TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỊNH QUÁN** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST
Ngày 23/3/2018
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hùng.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Sầm Dắt Phắn.

2/ Bà Nguyễn Thị Quy.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Oai – Thư ký TAND huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện VKS nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 23/3/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2018/TLST–HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXX - ST ngày 01 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980.
Địa chỉ: 165 ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ.
2. Bị đơn: Anh Lưu Công V, sinh năm 1974.
Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên toà.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 18/12/2017; Bản tự khai, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:***

Chị H và anh Lưu Công V tự nguyện chung sống với nhau vào từ năm 2007 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Cuộc sống chung không hạnh phúc, nguyên nhân do phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, anh V thường đi nhậu về xúc phạm chữi bới chị, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương chăm sóc lẫn nhau, đã nhiều lần gia đình hai bên hòa giải nhưng đều không có kết

quả, vợ chồng sống ly thân từ tháng 6 năm 2017 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh V.

- Về con chung: có 01 người con chung: Lưu Thị Minh N, sinh ngày 23/02/2009. chị yêu cầu được nuôi con không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con vì chị đủ khả năng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: vợ chồng không có nợ chung.

**** Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/02/2018 bị đơn ông Lưu Công V trình bày:***

Ông thừa nhận thời gian chung sống, những mâu thuẫn vợ chồng như nguyên đơn trình bày là đúng, vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi vả nhau là do anh nghi ngờ chị có người đàn ông khác nên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay không còn qua lại với nhau, ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Vì bận công việc không đến Tòa án tham ga xét xử được nên xin vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của chị H, anh không thắc mắc khiếu nại gì sau này.

Về con chung: có 01 người con chung: Lưu Thị Minh N, sinh ngày 23/02/2009. anh đồng ý giao cho chị H nuôi con, anh V không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: nợ chung không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và do tòa án thu thập thì mâu thuẫn giữa chị H và anh V là có căn cứ, tuy nhiên, anh chị không đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận vợ chồng và giải quyết con chung theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

(1) Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục, tống đạt hợp lệ cho các bên đương sự, các đương sự không thắc mắc khiếu nại gì về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Thẩm phán giải quyết vụ án nên các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng đều hợp pháp. Về vắng mặt của bị đơn trong vụ án đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

(2) Về nội dung:

Tại phiên tòa, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung, yêu cầu ghì thêm.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thấy rằng, thực tế cuộc sống chung giữa nguyên đơn và bị đơn có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vả. Anh chị sống ly thân từ tháng 6 năm 2017 đến nay; tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn. Tuy nhiên, chị Nguyễn Thị H và anh Lưu Công V không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Lưu Công V là vợ chồng.

(3)Về con chung: vợ chồng có 01 người con chung: Lưu Thị Minh N, sinh ngày 23/02/2009 bị đơn đồng ý giao cho nguyên đơn trực tiếp nuôi con, bị đơn không cấp dưỡng nuôi con. Xét việc thỏa thuận về nuôi con chung là tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của cháu N nên ghi nhận thỏa thuận về nuôi con chung của đương sự. Về cấp dưỡng nuôi con nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng và đủ khả năng để nuôi con nên tạm thời miễn cấp dưỡng nuôi con chung cho bị đơn.

(4) Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

(5)Về nợ chung: đương sự khai không có nên không xem xét.

(6) Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; các Điều 35, 228, 235, 266 - Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 14, 15, 56, 81, 82, 83,84 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Lưu Công V là vợ chồng.

2. Về con chung: giao cháu Lưu Thị Minh N, sinh ngày 23/02/2009 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm miễn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh V.

Anh V được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh chị có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp sang án phí theo biên lai thu tiền số 004659 ngày 17/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, chị H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt đươc tính từ ngày nhận được bản án hoặc tòa án niêm yết theo quy định.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đồng Nai.
- VKSND tỉnh Đồng Nai.
- VKSND .HĐQ.
- THA. Huyện Định Quán.
- Đương sự.
- UBND. Xã Túc Trưng.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Chủ tọa phiên tòa**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TX. LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Khánh, ngày 15 tháng 02 năm 2012

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN TX. LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Văn Thủy**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Lầm

2/ Ông Nguyễn Trọng Vịnh

Căn cứ vào điều 236 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vào hồi 08 giờ 30 ngày 15 tháng 02 năm 2012, tại phòng nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án "ly hôn" giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị Dương Kim Phượng, sinh năm 1977. Địa chỉ: 360, tổ 9, ấp Bảo Vinh B, xã Bảo Vinh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

*** Bị đơn:** Anh Lâm Cẩm Say, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp 1, xã Bình Lộc, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Các đương sự có mặt tại phiên toà.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, các ý khiến của đương sự; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

+ *Ý kiến ông Lầm*: Quá trình chung cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, lối sống không phù hợp, mâu thuẫn kéo dài, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân nên rất khó hàn gắn tình cảm, cả nguyên đơn và bị đơn cùng yêu cầu xin ly hôn. Tuy nhiên, do không thực hiện việc đăng ký kết hôn nên tôi đề nghị tuyên bố không công nhận nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng theo luật định.

- Về con chung: Các bên thỏa thuận, giao cho chị Dương Kim Phượng trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Huỳnh Hữu Trọng, sinh ngày 01/01/1999; Sự thỏa thuận này là phù hợp nên tôi đề nghị chấp nhận. Do nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung nên không xét.

- Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết;

- Nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn tự khai không có.

+ *Ý kiến ông Vịnh:* Tôi thống nhất với ý kiến ông Lầm.

+ Ý kiến thẩm phán: Thống nhất với hai ý kiến trên như sau:

Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 =100% biểu quyết như sau:

- Căn cứ khoản 1 Điều 27; các Điều 179; 195; 210; 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 11; khoản 2 Điều 17; Điều 93, 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Áp dụng Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội "về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình"; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; xử:

Tuyên bố không công nhận chị Dương Kim Phượng và anh anh Lâm Cẩm Say là vợ chồng.

- *Về con chung*: Giao cháu Huỳnh Hữu Trọng, sinh ngày 01/01/1999 cho chị Dương Kim Phượng trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Anh Say được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- *Về án phí:* Chị Phượng phải nộp 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 03704 ngày 13/12/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Khánh.

Biên bản làm xong đã đọc lại, các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Chủ tọa phiên tòa**

MẪU BẢN ÁN SƠ THẨM

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2005/NQ-HĐTP ngày 31 tháng 3 năm 2005 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TX LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
§éc lËp - Tù do - H¹nh phóc

B¶n sè: [2].....
Ngµy: [3].....
V/v tranh chÊp [4].....

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có: [6]
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông----------
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông----------
2.----------
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông (Bà).....
cán bộ Tòa án [7].....
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân [8] ..... tham gia phiên tòa:
Ông (Bà).....Kiểm sát viên.
Trong các ngày... tháng..... năm.....[9] tại.....xét xử sơ thẩm công khai [10] vụ án thụ lý số:...../...../TLST.....[11]ngày---------tháng---------năm--------- về tranh chấp.....[12]theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:...../...../QĐXX-ST ngày.....tháng .....năm.....giữa các đương sự:
1. Nguyên đơn: [13]
.....
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: [14]
.....
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: [15]
.....
2. Bị đơn: [16]
.....
Người đại diện hợp pháp của bị đơn: [17]
.....
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: [18]
.....
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[19]
.....
Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[20]
.....
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[21]
.....
Người phiên dịch:[22]

.....Người giám định: [22]
.....

NHẬN THẤY:[24]

.....
.....

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơn vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tài, Hội đồng xét xử nhận đinh: [25]

.....
.....

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:[26]

.....
.....
.....
....[27]

Hướng dẫn sử dụng mẫu bản án sơ thẩm:.

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thẫn quy định tại Điều 238 của Bó luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dân này được sở dụng cho tất cả các Toà án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự. hôn nhân và gia đình, kinh doanh. thương mại, lao động. Tuy nhiên. cần lưu ý là việc ghi số, ký hiệu và trích yếu trong bản án sơ thẩm phải thực hiện theo đúng hướng dẫn tại mục 2 Phần 1 Nghị quyết số 01/2005/NQ-HĐTP ngày 31/3/2005 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể đ việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(l) Nếu là Toà án nhân dân huyện. quận, thị xã. thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Toì án nhân dãn huyện. quận. thị xã. thành phố thuộc tính. thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Từ Liêm thành phố Hà Nội); nếu là Toà án nhân dân tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương thì ghi Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Toà án à dân tỉnh Hà Tây).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án. ô thứ hai ghi năm ra bản án theo đúng tinh thần hướng dẫn của Chính phủ về cách ghi số văn bản, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án theo hướng dẫn tại mục 2 Phần I Nghị quyết số 01/2005/NQ- HĐTP ngày 31/3/2005 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2005 có số 108 thì ghi: Số. l08/2005/HNGĐ-ST).

(3) Ghi ngày. tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi đúng theo việc ghi trích yếu được hướng dẫn tại mục 2 Phần I Nghị quyết số 01/2005/NQ-HĐTP ngày 31/3/2005 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (l).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người. thì chỉ đủ họ và tên của Thẩm phán Chủ toạ phiên toà, bỏ dòng 'Thẩm phán...", đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghì họ và tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ và tên của Thẩm phán - Chủ toạ phiên loà, họ và tên của Thẩm phán, họ và tên của cả ba Hội thẩm

nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.
(7) Ghi họ tên của Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà và tên của Toà án, nơi Thư ký Toà án công tác như hướng dẫn tại điểm (1) .
(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà thì ghi như hướng dẫn lại điểm (l) song đổi các chữ "Toà án nhân dân" thành "Viện kiểm sát nhân dân".
(9) Trong trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ 'Trong các" (ví dụ: Ngây 15 tháng 3 năm 2005 tại...).
Trong trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày trở lên, nếu số ngày tương đối ít thì có thể ghi đủ số ngày (ví dụ: Trong các ngày 3, 4 và 5 tháng 3...); nếu số ngày nhiều liền nhau thì ghi từ ngày đến ngày (ví dụ: Trong các ngày từ ngày 7 đến 1 1 tháng 3 năm ....); nếu khác tháng mà xét xử liên tục thì ghi từ ngày... tháng... đến ngây... tháng... (ví dụ: Trong các ngày từ ngày 28-2 đến ngày 02-3 năm...), nếu không xét xở liên tục thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04. 05 tháng 4 năm...).
(10) Nếu xét xử kín thì thay hai chữ "công khai" bằng chữ "kín".
(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi "DS"; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi "HNGĐ"; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghì "KDTM"; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi "LĐ" (ví dụ: số 18/2005/TLST-HNGĐ).
(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).
(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú. Nếu nguyên đơn là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh.
Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.
(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì đã ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì còn ghi chú trong ngoặc đơn: "văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...".
Ví dụ l: ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Tháng Lợi).
Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).
(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.
Ghi họ tên. địa chỉ cư trú (nếu là luật sư thì ghi là luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.
(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).
(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).
(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15) .
(22) và (23) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu khống có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).
(24) Trong phần này ghì quan hệ được xác lập giữa các đương sự dẫn đến có tranh chấp; các vấn đề cụ thể mà người khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết; yêu cầu phản tố (nếu có) và đề nghị cụ thể của bị đơn; yêu cầu độc lập và đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chú ý không mô tả diễn biến sự việc theo lời trình bày của các đương sự).
Ví dụ l: Trong đơn khởi kiện ngày... tháng... năm... (được bổ sung ngày... tháng... năm..., nếu có). nguyên đơn là... trình bày giữa nguyên đơn và bị đơn là... có giao kết hợp đồng

kinh doanh thương mại về vận chuyển hàng hoá. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng, nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn: (các yêu cầu cụ thể).
Tại văn bản phản tố ngày... tháng... năm... (hoặc tại văn bản ngày... tháng... năm..., hoặc tại phiên toà sơ thẩm) bị đơn có yêu cầu, đề nghị Toà án giải quyết (các yêu cầu, đề nghị cụ thể).
Tại văn bản ngày... tháng... năm... (hoặc tại phiên toà sơ thẩm) người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án *là*... (nếu có) có yêu cầu độc lập. đề nghị: (các yêu cầu, đề nghị cụ thể).
Ví dụ 2: Trong đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) ngày... tháng... năm... (được bổ sung ngày tháng... năm.... nếu có) nguyên đơn là... trình bày giữa nguyên đơn và bị đơn là... đăng ký kết hôn ngày... tháng... năm... Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết (các yêu cầu cụ thể: ly hôn, nuôi con. chia tài sản chung...).
Tại văn bản ngày... tháng... năm... (hoặc tại phiên toà sơ thành bị đơn là... có yêu cầu đề nghị Toà án giải quyết (các yêu cầu, đề nghị cụ thể).
Tại văn bản ngày... tháng... năm... (hoặc tại phiên loà sơ thẩm) người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là... (nếu có) có yêu cầu độc lập, đề nghị lcác yêu cầu, đề nghị cụ thể).
(25) Trong phần này ghi nhận định của Toà án. phải phân tích những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận lòng yêu cầu. đề nghị cụ thể của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của dương sự. ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có). Cần viện dẫn điểm. khoản và điều luật của văn bản quy phạm pháp luật mà Toà án căn cứ để chấp nhãn hoặc không chấp nhận.
(26) Trong phần này ghi áp dụng điểm. khoản. điều luật của văn bản quy phạm pháp luật mà Toà án căn cứ để ra quyết định. Ghi các quyết định của Toà án về tổng vấn đề phải giải quyết trong vụ án. về án phí và quyền kháng cáo đôi với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó.
(27) Phần cuối cùng của bản án. nếu là bản án gốc được thông qua tại phòng nghị án thì cần phải có đấy đủ chữ ký. họ và tên của các thành viên Hội đồng xét xử (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); nếu là bản án chính để gửi cho các đương sự. cơ quan. tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì còn ghi như sau:

<u>Nơi nhận:</u> *(Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản chính).*	**TM hội đồng xét xử sơ thẩm** **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa** *(Ký tên và đóng dấu của Tòa án)* (Họ và tên)

Mẫu giấy chứng nhận người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2005/NQ-HĐTP ngày 31 tháng 3 năm 2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh
Tỉnh Đồng Nai

Số:[2].....//.....//TA -GCN

cộng hòa xã hội chủ nghĩa việt nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long khánh,ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN NGƯỜI BẢO VỆ QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA ĐƯƠNG SỰ

Tòa án nhân dân dân thị xã long Khánh
tỉnh Đồng nai

Căn cứ vào Điều 41 và Điều 63 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào hồ sơ vụ án.....[3]thụ lý số:...../...../TLST.....[4] ngày..... tháng..... năm.....
Sau khi xem xét các giấy tờ, tài liệu về điều kiện để được cấp giấy chứng nhận người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự;

CHỨNG NHẬN

1.Ông (Bà) [5] .....

Là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của:[6].....

Trong vụ án [7].....

2. Ông (Bà)..... thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án

TAND thị xã Long Khánh tỉnh Đồng Nai
Thẩm phán

Mẫu giấy chứng nhận người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự *(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2005/NQ-HĐTP ngày 31 tháng 3 năm 2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)*

Hướng dẫn sử dụng mẫu giấy chứng nhận người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự

(1) Ghi tên Tòa án: Nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện thì ghi tỉnh, thành phó trực thuộc Trung ương (Tòa án nhân dân quận 1, thành phố H); nếu là Tòa án nhân dân cấp tỉnh thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nào (Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao thì ghi: Tòa án nhân dân tối cao Tòa phúc thẩm tại (Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm cấp Giấy chứng nhận người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự (ví dụ: Số: 10/2005/TA-GCN).

(3) Ghi đúng theo cách ghi trích yếu được hướng dẫn tại mục 2 Phần I Nghị quyết số 01/2005/NQ-HĐTP ngày 31/3/2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Ví dụ: Căn cứ vào hồ sơ vụ án tranh chấp về hợp đồng thuê nhà ở.

(4) Ghi đúng theo cách ghi ký hiệu được hướng dẫn tại mục 2 Phần I Nghị quyết số 01/2005/NQ-HĐTP ngày 31/3/2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; nếu là Tòa án cấp phúc thẩm thì thay ký hiệu "TLST" bằng ký hiệu "TLPT". Ví dụ: số: 215/2005/TLST-LĐ hoặc số: 217/2005/TLPT-KDTM.

(5) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú hoặc nơi làm việc; nếu là Luật sư thì ghi Luật sư của Văn phòng Luật sư nào thuộc Đoàn luật sư nào.

(6) Ghi địa vị pháp lý của đương sự trong vụ án và họ tên. Ví dụ: nguyên đơn là ông (bà)...

(7) Ghi như hướng dẫn tại điểm (3).